

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND PHƯỜNG HỒNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 71 /QĐ-UBND ngày 21 / 02 /2023 của UBND phường Hồng Sơn)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (17 THỦ TỤC)				
1.	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh; - Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em; ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - 5.000 đồng/hồ sơ: Đăng ký khai sinh không đúng hạn - Miễn phí trong trường hợp đăng ký đúng hạn; Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Nghị quyết số 02/2017/NQ- HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2.	Thủ tục đăng ký kết hôn	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày; - Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký kết hôn trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ (bên nam hoặc bên nữ có thể trực tiếp nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). 	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ- HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An
3.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con. 	<ul style="list-style-type: none"> - 12.000 đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
4.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con.	- 5.000 đồng/hồ sơ: đăng ký khai sinh không đúng hạn - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 12.000 đồng; - Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
5.	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký khai tử có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký	- 5.000 đồng đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn - Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			khai tử; ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn	tuổi; Người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.	Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
6.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại địa điểm đăng ký lưu động	- 5.000 đồng/hồ sơ trong trường hợp khai sinh không đúng hạn. - Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
7.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại địa điểm đăng ký lưu động	Miễn lệ phí	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ- HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An
8.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động	- 5.000 đồng/hồ sơ đối với trường hợp khai tử không đúng hạn; - Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9.	Thủ tục đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13//2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An
10.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký giám hộ trước đây; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015./NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ- IĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An
11.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện; - Người thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người có yêu cầu; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - 10.000 đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
12.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Người thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của 	<ul style="list-style-type: none"> - 10.000 đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú; Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không có nơi thường trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An</p>
13.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	<p>- 05 ngày</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày</p>	<p>- Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh;</p> <p>- Người thực hiện đăng ký lại khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú;</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>- 5.000 đồng/hồ sơ;</p> <p>- Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi; Người khuyết tật;</p> <p>Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh; - Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu cư trú; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - 5.000 đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An
15.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. 	<p>Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn trực tiếp nộp hồ sơ tại ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu cư trú (bên nam hoặc bên nữ có thể trực tiếp nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 20.000 đồng; - Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
16.	Thủ tục đăng ký lại khai tử	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc - Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký lại khai tử có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai tử trước đây; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - 5.000đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí cho Người có công với cách mạng; Trẻ em; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An
17.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ, văn bản yêu cầu qua hệ thống bưu chính đến Cơ quan quản lý sổ hộ tịch hoặc Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch có thẩm quyền; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	<p>3.000 đồng/bản sao;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
II	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (11 THỦ TỤC)				
18.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	<p>Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>- Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã đang quản lý sổ gốc</p>	Không	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p>
19.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.	<p>Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>- Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã</p> <p>- Nộp hồ sơ chứng thực bản sao điện tử theo địa chỉ http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận.</p>			<p>quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p> <p>- Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>
20.	<p>Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực diễm chỉ và trường hợp</p>	<p>Trong ngày</p>	<p>- Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã hoặc ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù</p>	<p>10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể đi kèm chỉ được)		hoặc có lý do chính đáng khác.		<p>11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên;</p> <p>- Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>
21.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>- Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
22.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
23.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã đang quản lý sổ gốc	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
24.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	2 ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
25.	Thủ tục chứng thực di chúc	2 ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/di chúc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
26.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2 ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
27.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
28.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
III	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (1 THỦ TỤC)				
29.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý	34 ngày, đối với trường hợp phức tạp tối đa là 54 ngày. Trường hợp	Nộp hồ sơ bưu chính trực tiếp đến hoặc cơ quan quyết bồi thường.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ- CP ngày 15

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	người thi hành công vụ gây thiệt hại	2 bên thỏa thuận thì thời hạn kéo dài thêm tối đa 25 ngày			<p>tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;</p> <p>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.</p>
IV	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (2 THỦ TỤC)				
30.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú; - Đối với trường hợp cha đẻ hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi, nộp hồ sơ tại ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi; - Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ 	<p>400.000đ/ trường hợp.</p> <p>-Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha đẻ hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>roi chưa chuyên vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi;</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng;</p>	<p>hiếm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>	<p>14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>
31.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp tại ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây.	Không	<p>- Luật Nuôi con nuôi 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
V	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (2 THỦ TỤC)				
32.	Thủ tục Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch.	Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi không người đề nghị làm tuyên truyền viên pháp luật.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; - Thông tư số 10/2016/TT -BTP ngày 22/7/2016 quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
33.	Thủ tục Cho thôi làm tuyên truyền	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đề nghị làm tuyên truyền viên pháp luật.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	viên pháp luật	được đề nghị.			04/4/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; UBND cấp xã. - Thông tư số 10/2016/TT -BTP ngày 22/7/2016 quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
VI	LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (4 THỦ TỤC)				
34.	Thủ tục Công nhận hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Tại ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đề nghị Công nhận Hòa giải viên.	Không	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.
35.	Thủ tục Công nhận tổ trưởng Tổ hòa giải	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Tại ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đề nghị Công nhận tổ trưởng Tổ hòa giải.	Không	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.
36.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của tổ trưởng Tổ hòa giải	Tại ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đề nghị thôi Hòa giải viên	Không	- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức, trình tự thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>về việc thôi làm hòa giải viên, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố xem xét, xác minh, làm văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định.</p>			hòa giải ở cơ sở.
37.	Thủ tục thanh toán thù lao cho Hòa giải viên	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Tại ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đề nghị thanh toán thù lao Hòa giải viên	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở..